

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2022/DS-PT

Ngày: 31/05/2022

V/v tranh chấp: “Yêu cầu tuyên bố hợp
đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Tuyết Linh

Bà Nguyễn Ái Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Lê Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 58/2021/DS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngô Thị L, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Hồ Thị T, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Luật sư Trần Ngọc Q – Văn phòng Luật sư Phạm Thị Kim T1 - Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Tuyết M, sinh năm 1969; (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn V, huyện G, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T2: Luật sư Trần Ngọc Q – Văn phòng Luật sư Phạm Thị Kim T1 - Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Phạm Ánh T3, sinh năm 1972; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Văn phòng công chứng Đ;

Người đại diện theo pháp luật: Đoàn Thị Ngọc B – Trưởng Văn phòng (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố H1, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Hồ Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Minh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Nguyên đơn – bà Ngô Thị L trình bày:

Bà yêu cầu Tòa án nhân dân hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Hồ Thị T và chị Nguyễn Thị Minh T2 theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng 4257, quyền số 3 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/10/2018 tại Văn phòng công chứng Đ và hủy cuối trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp giấy số CH02694 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn N ngày 03/4/2013, cuối trang 4 ngày 24/10/2018 tặng cho Nguyễn Thị Minh T2. Lý do bà yêu cầu hủy vì đây là hành vi tẩu tán tài sản của bà T để trốn nghĩa vụ thi hành án cho bà theo Quyết định số 108/2019/QĐST-DS ngày 04/7/2019 và Bản án số 15/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện G với tổng số tiền bà T phải thi hành án cho bà là 376.000.000 đồng.

Bị đơn – bà Hồ Thị T trình bày:

Không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho và hủy cuối trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số vào sổ cấp giấy số CH02694 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn Nam ngày 03/4/2013, cuối trang 4 ngày 24/10/2018 vì việc tặng cho con bà là hợp pháp do chị T2 trả nợ thay bà trong ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Ánh T3 trình bày:

Yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà Hồ Thị T và Nguyễn Thị Minh T2 theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số công chứng

4257, quyền số 3 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/10/2018 tại Văn phòng công chứng Đ và hủy cuối trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có số vào sổ cấp giấy số CH02694 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn N ngày 03/4/2013, cuối trang 4 ngày 24/10/2018 tặng cho Nguyễn Thị Minh T2. Lý do bà yêu cầu hủy vì đây là hành vi tẩu tán tài sản của bà T để trốn nghĩa vụ thi hành án cho bà theo Quyết định số 124/2018/QĐST-DS ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, bà T phải thi hành án cho bà là 3,5 cây vàng SJC và 05 chỉ vàng 24K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Văn phòng công chứng Đ, có người đại diện theo pháp luật: Đoàn Thị Ngọc B – Trưởng Văn phòng trình bày:

Công chứng viên của Văn phòng công chứng Đ ký chứng nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất số 4257, quyền số 3 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/10/2018 giữa bên tặng cho là bà Hồ Thị T và bên nhận tặng cho là chị Nguyễn Thị Minh T2 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02694 cấp ngày 03/4/2013 đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G xác nhận ngày 24/10/2018 trên trang 4 cấp cho chị Nguyễn Thị Minh T2. Trong khi đó các chứng cứ của bà Ngô Thị L đưa ra như Quyết định số 108/2019/QĐST-DS ngày 04/7/2019 và Bản án số 15/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện G; Quyết định thi hành án số 16/QĐ-CCTHADS ngày 25/3/2020 đều có sau ngày công viên ký hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Do đó, việc công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của công chứng viên Văn phòng công chứng Đ là đúng quy định pháp luật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2021/DS-ST ngày 23/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ Điều 123 Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L và yêu cầu độc lập của bà Phạm Ánh T3.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã ký giữa bà Hồ Thị T và Nguyễn Thị Minh T2 được Văn phòng công chứng Đ chứng số 4257, quyền số 3 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/10/2018 là vô hiệu.

2. Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Tiền Giang chỉnh lý, xóa bỏ nội dung:

"Tặng cho Bà: Nguyễn Thị Minh T2, Năm sinh 1998, CMND số: 312636349, Địa chỉ thường trú: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Theo hồ sơ số 002602.TA.002", trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 839549 có số vào sổ cấp giấy số CH02694 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn Nam với diện tích 406m²".

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/01/2022, bị đơn Hồ Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Minh T2 có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Phạm Ánh T3 giữ nguyên yêu cầu độc lập. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Minh T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T và chị T2 trình bày: Ngày 15/10/2018 bà T làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho con gái là Nguyễn Thị Minh T2 đúng qui định của pháp luật. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được xác lập trước khi có bản án và quyết định hòa giải thành của Tòa án về việc và Thành trả nợ cho bà L (Do bà L khởi kiện đòi nợ) lần lượt là 09 tháng và 22 tháng. Cho nên cần xác định vấn đề này dựa trên cơ sở pháp lý, không phán đoán chủ quan như Tòa án sơ thẩm đã xét xử. Vụ việc này cần căn cứ vào Nghị định số 62 của Chính phủ để xem xét hành vi tẩu tán tài sản. Văn phòng công chứng cũng đã có văn bản thể hiện việc công chứng, chứng thực là hoàn toàn hợp pháp. Bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm cũng đã đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà L và bác yêu cầu của bà T3. Bản án sơ thẩm đã áp dụng tập quán pháp để giải quyết vụ việc là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn kháng cáo của bà T, chị T2 và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L và yêu cầu độc lập của bà T3.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng nội qui phòng xử án và thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng pháp luật. Về nội dung: Theo quyết định Hòa giải thành số 108/2019/QĐST-DS ngày 04/7/2019 và Bản án số 15/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện G thì bà T phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà L số tiền 376.000.000 đồng. Nợ bà Phạm Ánh T3 (Người có liên quan) 35 chỉ vàng SJC và 05 chỉ vàng 24kr theo quyết định Hòa giải thành số 124/2018/QĐ-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G. Ngày 15/10/2018 bà T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho chị T2 là không có căn cứ nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án. Xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kháng cáo của bị đơn, kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang và đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và chị T2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu” là có căn cứ, đúng pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm thì bị đơn Hồ Thị T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Minh T2 kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo qui định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Văn phòng công chứng Đ có văn bản xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo qui định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Hồ Thị T thiếu nợ hui và nợ vay của người. Trong đó có nợ bà Ngô Thị L (Nguyên đơn) số tiền 376.000.000 đồng theo quyết định Hòa giải thành số 108/2019/QĐST-DS ngày 04/7/2019 và Bản án số 15/2020/DS-ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện G. Nợ bà Phạm Ánh T3 (Người có liên quan) 35 chỉ vàng SJC và 05 chỉ vàng 24kr theo quyết định Hòa giải thành số 124/2018/QĐ-ST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện G. Trong thời gian các đương sự khởi kiện bà T để đòi nợ thì bà T lập hợp đồng tặng cho con gái (Nguyễn Thị Minh T2) nhà và đất bà T đang ở vào ngày 24/10/2018. Hồ sơ tặng cho quyền sử dụng đất đã được công chứng chứng thực, đồng thời Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G điều chỉnh trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Thị Minh T2. Sau khi bà L, bà T3 làm đơn yêu cầu thi hành án thì bà T không còn tài sản để thi hành án và phát sinh tranh chấp. Sau khi Tòa án sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L và chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Ánh T3 thì bà T, chị T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn Hồ Thị T, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Minh T2, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là bà Hồ Thị T, bên được tặng cho là Nguyễn Thị Minh T2. Tài sản tặng cho là thửa đất số 2013, tờ bản đồ số 02, diện tích 406m², đất tọa lạc tại xã Kiểng Phước, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Hợp đồng tặng cho được công chứng chứng thực ngày 15/10/2018. Đến ngày 24/10/2018 thì chị T2 được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Điều chỉnh trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Xét hình thức thì hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà T và chị T2 là phù hợp với qui định của pháp luật. Hợp đồng được lập thành văn bản có công chứng chứng thực và các bên tham gia giao dịch trong hợp đồng đều có đủ năng lực dân sự. Tuy nhiên, xét về nội dung của hợp đồng là không phù hợp với qui định của pháp luật, bị vô hiệu theo qui định tại Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật Dân sự, cụ thể hai bên xác lập giao dịch dân sự giả tạo nhằm trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba như sau:

[3.1] Trong năm 2017, 2018 bà T có tham gia chơi chui và vay nợ của bà L, bà T3. Do không có khả năng chi trả nên bà T bỏ địa phương một thời gian, theo giấy

xác nhận của Trưởng Công an ấp Xóm Lưới (bút lục 52). Ngày 26/9/2018 Bà Phạm Ánh T3 khởi kiện bà T đòi 35 chỉ vàng SJC và 05 chỉ vàng 24kr, sự việc đang được Tòa án thụ lý giải quyết thì ngày 15/10/2018 bà T lại lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con gái là Nguyễn Thị Minh T2. Căn cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ thì bà T thiếu nợ hụi và nợ vay của bà L, bà T3 từ năm 2018 chưa thanh toán nhưng lại tặng cho tài sản cho người khác là nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Năm 2019, năm 2020 bà L cũng tiếp tục khởi kiện bà T 02 vụ án dân sự để đòi nợ. Sau khi các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thì bà T3, bà L yêu cầu thi hành án, Chi cục thi hành án dân sự huyện G đã ban hành quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với bà Hồ Thị T đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của bà T3 và bà L.

[3.2] Quan hệ giữa bà T và chị T2 là mẹ con ruột, cùng chung hộ khẩu tại Ấp X, xã K, huyện G, hiện tại chị T2 đang học tập ở Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại Bà T cũng đang quản lý và sinh sống tại phần đất tặng cho này. Cho nên, có cơ sở xác định giao dịch tặng cho giữa bà T và chị T2 nhằm trốn tránh nghĩa vụ thi hành án đối với số nợ của bà T3 và số nợ của bà L khi bản án, quyết định phát sinh hiệu lực pháp luật (bà T3, bà L khởi kiện đòi nợ). Thực tế bà T là người đang sinh sống và quản lý tài sản tặng cho này. Cho nên, Hội đồng xét xử không xử lý hậu quả của giao dịch dân sự vô hiệu.

[3.3] Tài sản tặng cho quyền sử dụng đất này là tài sản duy nhất của bà L nhưng bà lại tặng cho con là chị T2 và hợp đồng tặng cho cũng không có điều kiện. Do đó, việc tặng cho này là không phù hợp tập quán tại địa phương.

[4] Từ những căn cứ như trên, xét nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, phù hợp với pháp luật. Bà T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, chị T2 và giữ nguyên bản án sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T và chị T2, nên bà T, chị T2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm do bà T, chị T2 tạm nộp xem như thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và chị T2 là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự ;

Căn cứ Điều 123 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thị T và chị Nguyễn Thị Minh T2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 58/2021/DS-ST ngày 09/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L và yêu cầu độc lập của bà Phạm Ánh T3.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã ký giữa bà Hồ Thị T và Nguyễn Thị Minh T2 được Văn phòng công chứng Đ chứng số 4257, quyền số 3 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/10/2018 là vô hiệu.

3. Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Tiền Giang chỉnh lý, xóa bỏ nội dung:

"Tặng cho Bà: Nguyễn Thị Minh T2, Năm sinh 1998, CMND số: 312636349, Địa chỉ thường trú: Ấp X, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Theo hồ sơ số 002602.TA.002", trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 839549 có sổ vào sổ cấp giấy số CH02694 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Nguyễn Văn Nam với diện tích 406m².

4. Về án phí: Bà Hồ Thị T và chị Nguyễn Thị Minh T2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do bà T nộp theo biên lai thu số 0007414 ngày 23/11/2021 và khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị T2 nộp theo biên lai thu số 0007415 ngày 23/11/2021, cả hai biên lai đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G tỉnh Tiền Giang, xem như bà T và chị T2 thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm

- Bà Hồ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại bà Ngô Thị L 600.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018306 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G tỉnh Tiền Giang.

- Hoàn lại bà Phạm Ánh T3 600.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018402 ngày 05/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G, TG;
- CCTHADS huyện G, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Đạt

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Đạt Nguyễn Ái Đoan

Huỳnh Hiếu